

Số: 46/2019/QĐST-HNGĐ

Đbp, ngày 27 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐBP, TỈNH ĐB

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 361 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 55/2019/TLST - HNGĐ ngày 10/6/2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung khi ly hôn, gồm những người yêu cầu giải quyết việc dân sự sau đây:

- Anh **Bế Ích V** - sinh năm: 1988. Địa chỉ: Số nhà 62, tổ dân phố 09, phường ThT, thành phố Đbp, tỉnh Đb;

- Chị **Cà Thị L** - sinh năm: 1988. Địa chỉ: Đội 16, Nà Lồm, xã ThN, huyện Đb, tỉnh Đb

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bế Ích V và chị Cà Thị L ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ThN, huyện Đb, tỉnh Đb vào ngày 14/4/2016. Trong quá trình chung sống, do tính cách và quan điểm bất đồng, không có tiếng nói chung, từ đó anh V và chị L sống với nhau không có tình cảm, không có hạnh phúc. Hiện tại anh V và chị L không còn tình cảm, tôn trọng và yêu thương nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh V và chị L cùng yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh V và chị L công nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Bế K A - sinh ngày 07/10/2016. Anh V, chị L cùng thỏa thuận thống nhất sau khi ly hôn chị L sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bế K A, việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ: Không có.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Cà Thị L tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Bé Ích V và chị Cà Thị L thuận tình ly hôn;
- **Về con chung:** Giao con chung là cháu Bé K A - sinh ngày 07/10/2016 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu tòa án giải quyết.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Không có;

- **Các vấn đề khác:** Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Cà Thị L tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm là 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002329 ngày 06/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đbp, tỉnh Đb.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐB;
- VKSND TP.ĐBP;
- Chi cục THADS TP.ĐBP;
- Các đương sự;
- UBND xã ThN, huyện Đb, tỉnh Đb;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

Hà Thị Tám

